TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 302/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 450/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Nguyễn Nghi V, sinh năm 2000; Căn cước: 074300000311; địa chỉ thường trú: Số E L, Tổ B, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Phan Tuấn V1, sinh năm 1997; Căn cước công dân: 074097001614; địa chỉ thường trú: Số A đường A, Tổ B, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 có 01 con chung là Phan Ngọc M, sinh ngày 08/9/2024. Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 thống nhất thỏa thuận giao con chung Phan Ngọc M, sinh ngày 08/9/2024 cho bà Nguyễn Nghi V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Thỏa thuận của bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Tuấn V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phan Ngọc M, sinh ngày 08/9/2024 mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án ra Quyết định đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nghi V và ông Phan Tuấn V1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phan Ngọc M, sinh ngày 08/9/2024 cho bà Nguyễn Nghi V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Tuấn V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phan Ngọc M, sinh ngày 08/9/2024 mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Toà án ra Quyết định đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phan Tuấn V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Nghi V nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Phan Tuấn V1 nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0029322 ngày 12/5/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án/quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HCM;
- VKSND Khu vực 15 – Thành phố HCM;
- THADS Thành phố HCM;
- UBND phường Bình Dương, TPHCM.
(GCN KH số 99, ngày 12/9/2022);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga

TAND KHU VỰC 15

ZOA280526.TL.QDBA
1935